

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/KDTM-ST  
Ngày: 28-6-2024  
V/v: Tranh chấp hợp đồng cho  
thuê tài chính

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Nhật Quang;
- Ông Bùi Hoàng Trọng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2024/TLST-KDTM ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên quốc tế C; địa chỉ: Tầng 9-26-27-28-29, S, Số 37, đường T1, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Nguyễn Nhật L, sinh năm 1998; nơi thường trú: K, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng N1; địa chỉ: Tầng 9-26-27-28-29, S, Số 37, đường T1, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 11/3/2024), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty cổ phần vận tải T; địa chỉ: Số 10/5 C2, khu phố Đ, phường G, thành phố U, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thanh N1, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng Thanh N1, sinh năm 1962 và ông Hoàng Thanh S1 sinh năm 1992 cùng nơi thường trú: Số 10/5 C2, khu phố Đ, phường G, thành phố U, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Nguyễn Nhật L trình bày:*

Do Công ty cổ phần vận tải T gọi tắt là (công ty T) có nhu cầu sử dụng phương tiện vận tải phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C tài trợ tài chính nên hai bên đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B210207901 ngày 29/3/2021 và Hợp đồng cho thuê tài chính số B210329801 ngày 27/4/2021 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng thuê”). Theo đó, các tài sản mà công ty T có nhu cầu thuê tài chính (sau đây gọi tắt là “tài sản thuê”) là: 01 (một) sơ mi rơ mo loc tải chở container; nhãn hiệu Xinhongdong; biển kiểm soát 61R-049.92; 01 (một) ô tô đầu kéo, nhãn hiệu International; biển kiểm soát 61H-028.60; 01 (một) sơ mi rơ mo loc tải chở container; nhãn hiệu Xinhongdong; biển kiểm soát 61R-050.08; 01 (một) ô tô đầu kéo, nhãn hiệu International; biển kiểm soát 61H-032.92.

Cùng ngày 29/3/2021 và ngày 27/4/2021, để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của công ty T theo Hợp đồng thuê, Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đã chấp nhận các Thư bảo lãnh cá nhân của ông Hoàng Thanh N1 và ông Hoàng Thanh S1. Theo đó, trường hợp công ty T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, ông Hoàng Thanh N1 và ông Hoàng Thanh S1 cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho công ty T theo nội dung các thư bảo lãnh đã ký.

Để thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, ngày 29/3/2021 và ngày 27/4/2021 Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đã ký các hợp đồng mua bán số B210207901-PC và số B210329801-PC với công ty TNHH thương mại dịch vụ ô tô L để mua các tài sản thuê từ công ty TNHH thương mại dịch vụ ô tô L và cho Công ty T thuê lại chính các tài sản này theo Hợp đồng cho thuê tài chính. Đây là hình thức mua và cho thuê lại theo quy định pháp luật Việt N1 về hoạt động cho thuê tài chính. Ngày 29/3/2021 và ngày 27/4/2021, Công ty T đã kí biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản.

Tổng giá trị tài sản thuê đối với hợp đồng thuê B210207901 là 1.571.860.000 đồng (giá trị thuê là 1.414.674.000 đồng), số tiền mà Công ty T đã trả trước là: 157.186.000 đồng; tổng giá trị tài sản thuê đối với hợp đồng thuê B210329801 là 1.571.860.000 đồng (giá trị thuê là 1.414.674.000 đồng), số tiền mà Công ty T đã trả trước là: 157.186.000 đồng; thời hạn thuê đối với hai hợp đồng trên là 48 tháng; thời hạn bắt đầu thuê đối với Hợp đồng thuê B210207901 là ngày 12/4/2021; thời hạn bắt đầu thuê đối với Hợp đồng thuê B210329801 là 11/5/2021; Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C tài trợ một phần vốn là: 793.100.000 (“Giá trị thuê”). Thời hạn thuê tài chính là 36 tháng, kể từ tháng 04 năm 2022 đến tháng 04 năm 2025.

Lãi suất thuê được áp dụng cho các Hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại Thông báo bắt đầu thuê mà Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đã phát hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt N1.

Hàng tháng, Công ty T phải thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo các Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty T trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C vẫn là chủ sở hữu của các tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty T bồi thường thiệt hại (nếu có).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty T thường xuyên thanh toán không đúng hạn theo lịch trình đã thỏa thuận, mặc dù Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đã nhiều lần liên lạc với Công ty T để yêu cầu thanh toán. Đến kỳ thuê tháng 8/2022, Công ty T đã đơn phương ngừng thanh toán mà không có bất kỳ thông báo hay sự chấp thuận nào từ phía Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C.

Ngày 10/8/2022, do Công ty T vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê, Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê.

Ngày 16/11/2023, Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đã ra thông báo yêu cầu thanh toán đến người bảo lãnh là ông Hoàng Thanh N1 và ông Hoàng Thanh S1 yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán theo nội dung các thư bảo lãnh đã ký. Tuy nhiên cho đến nay, Công ty T vẫn chưa thanh toán số tiền còn nợ.

Vì vậy, Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C khởi kiện, yêu cầu Toà án nhân dân Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

Buộc Công ty Thiên N1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C tổng số tiền thuê hai hợp đồng thuê còn nợ tính đến ngày 28/6/2024 là 245.502.611 đồng. Trong đó:

Hợp đồng thuê B210207901, nợ gốc là 81.322.818, nợ lãi trong hạn là 36.505.773, nợ lãi đến ngày 28/6/2024 là 16.230.567 đồng.

Hợp đồng thuê B210329801, nợ gốc là 61.253.348, nợ lãi trong hạn là

36.505.773, nợ lãi đến ngày 28/6/2024 là 13.684.332 đồng.

Buộc Công ty TNHH Furniture Phú Quý thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C tiền lãi chậm trả phát sinh sau ngày 28/6/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính số B210207901 ký ngày 29/3/2024 và B210329801 ký ngày 27/4/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty T không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, buộc người bảo lãnh là ông Hoàng Thanh N1 và ông Hoàng Thanh S1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền mà Công ty T còn nợ.

Hiện các tài sản mà công ty T thuê, công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đã thu hồi nên không yêu cầu giải quyết về tài sản và đề nghị không đưa công ty TNHH thương mại dịch vụ ô tô L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Thanh N1, sinh năm 1962 và ông Hoàng Thanh S1 sinh năm 1992 cùng nơi thường trú: Số 10/5 C2, khu phố Đ, phường G, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Theo kết quả xác minh tại Công an phường G, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương cũng như Công văn số 709/ĐKKD ngày 20/5/2024 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương: Công ty cổ phần vận tải T không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký số 10/5 C2, khu phố Đ, phường G, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngừng hay giải thể của doanh nghiệp nêu trên đồng thời chưa có thông tin chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký tại Phòng đăng ký kinh doanh tại tỉnh Bình Dương; ông N1 và ông S1 có đăng ký thường trú tại số 10/5 C2, khu phố Đ, phường G, thành phố U, tỉnh Bình Dương. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo hình thức niêm yết công khai tại nơi thường trú của ông N1 và ông S1 cũng như địa chỉ trụ sở chính của công ty Thiên N1, Ủy ban nhân dân phường G, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đồng thời đăng trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông N1 và ông S1 cũng như công ty T không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng

quy định của pháp luật; đối với bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C (sau đây gọi tắt là Công ty C) khởi kiện yêu cầu Công ty T; địa chỉ trụ sở chính tại, phường G, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng cho thuê tài chính. Xét, đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại Khoản 1 Điều 30; Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn công ty T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N1 và ông S1 vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, trong vụ án này không cần thiết đưa công ty TNHH thương mại dịch vụ ô tô L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn. Xét thấy, ngày 29/3/2024 và ngày 27/4/2021 Công ty C và Công ty T có ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B210207901 và số B210329801, tài sản thuê là 01 (một) sơ mi rơ moóc tải chở container; nhãn hiệu Xinhongdong; biển kiểm soát 61R-049.92; 01 (một) ô tô đầu kéo, nhãn hiệu International; biển kiểm soát 61H-028.60; 01 (một) sơ mi rơ moóc tải chở container; nhãn hiệu Xinhongdong; biển kiểm soát 61R-050.08; 01 (một) ô tô đầu kéo, nhãn hiệu International; biển kiểm soát 61H-032.92. Để thực hiện hợp đồng, cùng ngày 29/3/2024 và ngày 27/4/2021 Công ty C đã ký các hợp đồng mua bán tài sản số B210207901-PC và số B210329801-PC để mua các tài sản thuê từ Công ty TNHH thương mại dịch vụ ô tô L và cho Công ty T thuê lại chính các tài sản này theo Hợp đồng cho thuê tài chính. Tổng giá trị tài sản thuê đối với hợp đồng thuê B210207901 là 1.571.860.000 đồng (giá trị thuê là 1.414.674.000 đồng), số tiền mà Công ty T đã trả trước là: 157.186.000 đồng; tổng giá trị tài sản thuê đối với hợp đồng thuê B210329801 là 1.571.860.000 đồng (giá trị thuê là 1.414.674.000 đồng), số tiền mà Công ty T đã trả trước là: 157.186.000 đồng. Thời hạn thuê tài chính là 36 tháng, kể từ

tháng 04 năm 2022 đến tháng 04 năm 2025. Cùng ngày 29/3/2021 và ngày 27/4/2021 Công ty T đã ký xác nhận biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản.

[3.1] Như vậy, Công ty T đã nhận tài sản thuê từ ngày 29/3/2024 và ngày 27/4/2021, nhưng lại không thanh toán tiền theo đúng thỏa thuận của hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 10/8/2022. Do đó, Công ty C đã gửi thông báo về việc chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản, đồng thời gửi thư yêu cầu người bảo lãnh là ông N1, ông S1 thanh toán tiền thuê. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bằng hình thức đăng trên phương tiện thông tin đại chúng tuy nhiên bị đơn cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn xem như từ bỏ quyền trình bày để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3.2] Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty C căn cứ vào Điều 26 của Hợp đồng thuê khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc nói trên là phù hợp.

[4] Về yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn căn cứ vào Điều 6 của Hợp đồng cho thuê tài chính để yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi; với lãi suất áp dụng là 9,8%/năm và lãi suất quá hạn là 14,7%/năm là phù hợp theo quy định tại Điều 26 mục 3.1 của Hợp đồng cho thuê tài chính nên được chấp nhận.

[5] Xét về nghĩa vụ bảo lãnh của ông Hoàng Thanh N1 và ông Hoàng Thanh S1 đối với nghĩa vụ trả tiền của Công ty T. Tại thư bảo lãnh có nội dung “... bằng thư này, bên bảo lãnh đồng ý rằng, trong trường hợp bên thuê không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo hợp đồng thuê vì bất cứ lý do gì, bên bảo lãnh phải thực hiện (các) nghĩa vụ này theo yêu cầu lần đầu bằng văn bản của bên cho thuê mà bên cho thuê không cần phải thu hồi và xử lý tài sản thuê theo hợp đồng thuê và cũng không phải xuất trình bất kỳ một tài liệu hoặc bằng chứng nào cho bên bảo lãnh...”

[5.1] Ngày 10/8/2022 Công ty C đã gửi thư yêu cầu ông N1 và ông S1 là những người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nhưng đến nay Công ty C vẫn chưa thu hồi được khoản tiền nào. Do đó, căn cứ vào thỏa thuận của thư bảo lãnh cá nhân, Công ty C yêu cầu trong trường hợp Công ty T không thanh toán đầy đủ khoản tiền nợ gốc và lãi thì buộc người bảo lãnh là ông Hoàng Thanh S1 và ông Hoàng Thanh N1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty C số tiền mà Công ty T còn nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 335; Điều 342 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về các tài sản cho thuê tài chính, do Công ty C không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty C.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 235; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 335; Điều 342; Điều 351 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của Công ty tài chính và Công ty cho thuê tài chính;

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đối với bị đơn Công ty cổ phần vận tải T về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”.

1.1. Buộc Công ty cổ phần vận tải T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C tổng số tiền thuê hai hợp đồng thuê còn nợ tính đến ngày 28/6/2024 là 245.502.611 đồng. Trong đó:

Hợp đồng cho thuê tài chính số B210207901, nợ gốc là 81.322.818, nợ lãi trong hạn là 36.505.773, nợ lãi đến ngày 28/6/2024 là 16.230.567 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số B210329801, nợ gốc là 61.253.348, nợ lãi trong hạn là 36.505.773, nợ lãi đến ngày 28/6/2024 là 13.684.332 đồng.

1.2. Trường hợp Công ty cổ phần vận tải T không thực hiện việc thanh toán hết số nợ (theo mục 1.1 nêu trên) cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C thì ông Hoàng Thanh N1 và ông Hoàng Thanh S1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền Công ty cổ phần vận tải T còn phải thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C.

Trong trường hợp Công ty cổ phần vận tải T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Công ty cổ phần vận tải T còn phải chịu tiền lãi của số tiền chậm trả theo

mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho thuê tài chính số B210207901 ngày 29/3/2021 và Hợp đồng cho thuê tài chính số B210329801 ngày 27/4/2021 giữa Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C với Công ty cổ phần vận tải T.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần vận tải T phải chịu 12.275.131 đồng (mười hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm ba mươi một đồng).

Hoàn trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền 6.093.115 đồng (sáu triệu không trăm chín mươi ba nghìn một trăm mười lăm đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004696 ngày 23/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hà**